

160 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM HÓA HỌC THCS

Câu 1: Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, nguyên tố Fe ($Z = 26$) thuộc nhóm :

A . VIB **B. VIIB** C. IA D. IIA

Câu 2: Số electron lớp ngoài cùng của các nguyên tố kim loại kiềm (thuộc nhóm IA) là :

A . 2 B. 3 **C. 1** D. 4

Câu 3: Số electron lớp ngoài cùng của các nguyên tố kim loại kiềm thổ (thuộc nhóm IIA) là :

A . 3 B. 1 **C. 2** D. 4

Câu 4: Công thức chung của oxit kim loại thuộc nhóm IA là :

A . R_2O_3 B. RO_2 **C. R_2O** D. RO

Câu 5: Công thức chung của oxit kim loại thuộc nhóm IIA là :

A . R_2O B. RO_2 C. R_2O_3 **D. RO**

Câu 6: Hai kim loại đều thuộc nhóm IIA trong bảng tuần hoàn là :

A . Ca, Ba B. Na, Ba C. Sr, K D.Be, Al

Câu 7: Cho các kim loại : Na, Mg, Fe, Al kim loại nào có tính khử mạnh nhất là:

A . Mg B. Fe C. Al **D. Na**

Câu 8: Cho các kim loại : Fe, K, Mg, Ag kim loại nào trong các kim loại trên có tính khử yếu nhất :

A . Fe **B. Ag** C. Mg D. K

Câu 9: Dãy gồm các kim loại được sắp xếp theo thứ tự tính khử tăng dần từ trái qua phải :

A . Al, Mg, Fe B. Fe, Mg, Al C. Mg, Fe, Al **D. Fe, Al, Mg**

Câu 10: Cho dãy các kim loại sau : Fe, W, Hg, Cu kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất :

A . W B. Cu **C. Hg** D. Fe

Câu 11: Cho dãy các kim loại sau : Na, Al, W, Fe kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy cao nhất :

A . Fe **B. W** C. Al D. Na

Câu 12: Tính chất hóa học đặc trưng của kim loại là :

A . Tính bazơ **B. Tính khử** C. Tính oxi hóa D. Tính axit

Câu 13: Phản ứng nào sau đây không tạo ra muối Fe(III):

A . Fe t/d với dd HCl B. Fe_2O_3 t/d với dd HCl C. Fe_3O_4 t/d với dd HCl D. $Fe(OH)_3$ t/d với dd H_2SO_4

Câu 14 : Cho dãy các kim loại : K, Mg, Cu, Al số kim loại trong dãy phản ứng được với dd HCl:

A . 2 B. 4 **C. 3** D. 1

Câu 15: Cặp chất không xảy ra phản ứng là:

A . dd NaOH và Al_2O_3 B. dd $AgNO_3$ và dd KCl C. K_2O và H_2O **D. đ $NaNO_3$ và dd $MgCl_2$**

Câu 16: Hai kim loại đều phản ứng với dd $Cu(NO_3)_2$ giải phóng kim loại Cu là :

A . Fe và Al B. Al và Ag C. Fe và Au D. Fe và Ag

Câu 17 : Cặp chất không xảy ra phản ứng là :

A . Ag + $Cu(NO_3)_2$ B. Cu + Ag NO_3 C. Zn + $Fe(NO_3)_2$ D. Fe + $Cu(NO_3)_2$

Câu 18: Tất cả các kim loại Fe, Zn, Cu, Ag đều tác dụng được với dung dịch :

A . HNO_3 loãng B. H_2SO_4 loãng C. KOH D. HCl

Câu 19: Cho kim loại M tác dụng với Cl_2 được muối X; cho kim loại M tác dụng với dd HCl được muối Y. Nếu cho kim loại M tác dụng với dd muối X ta cũng được muối Y. Kim loại M có thể là :

A . Fe B. Mg C. Zn D. Al

Câu 20: Hòa tan hỗn hợp 32g Cu và 16g Fe_2O_3 trong dd HCl dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được dd A và chất rắn B không tan. Khối lượng muối tạo thành trong A là :

A . 30,5 g **B. 38,9 g** C. 32,5 g D. Kết quả khác

Câu 21: Cho hỗn hợp gồm : Fe_3O_4 : 0,1 mol và FeO : 0,1 mol ; Cu : 0,5 mol tác dụng với dd HCl dư thu được dd A và chất rắn B không tan. Cho A t/d với dd NaOH dư lọc kết tủa nung trong không khí thu được m(g) rắn. Giá trị m?

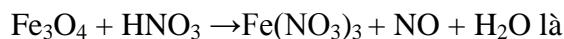
Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm

- A . 3,21 g **B. 40 g** C. 32,5 g D. 3,2 g
- Câu 21:** Hỗn hợp X nặng 9g gồm Fe_3O_4 và Cu. Cho X vào dd HCl dư thấy còn 1,6g Cu không tan. Khối lượng Fe_3O_4 có trong X là :
- A . **5,8 g** B. 2,32 g C. 3,48 g D. 7,4 g
- Câu 22:** Cho 36g hỗn hợp gồm Fe_3O_4 và Cu vào dd HCl dư. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, còn lại chất rắn không tan là A. Hòa tan hết A trong H_2SO_4 đun dư thu được 2,24 l khí (ở đktc). Phần trăm klg Cu trong hh đầu ?
- A . 17,78% **B. 35,56 %** C. 26,67 % D. 64,24 %
- Câu 23:** Hoàn tan hoàn toàn hỗn hợp X gồm 0,2 mol Fe và 0,2 mol Fe_2O_3 vào dd H_2SO_4 loãng dư, thu được 2,24 l khí (ở đktc) và dd Y. Cho lượng dư dd NaOH vào dd Y, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được m gam kết tủa. Giá trị nhỏ nhất của m là :
- A . 54,0 B. 59,1 C. 60,8 **D. 57,4**
- Câu 24:** Cho 42,4g hỗn hợp gồm Cu và Fe_3O_4 (có tỉ lệ số mol tương ứng là 3:1) tác dụng với dd HCl dư, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn còn lại m gam chất rắn. Giá trị của m là :
- A . **12,8** B. 19,2 C. 9,6 D. 6,4
- Câu 25:** Hoàn tan 14 gam hỗn hợp Cu và Fe_3O_4 vào dd HCl, sau phản ứng còn dư 2,16 gam hỗn hợp chất rắn và dd X. Cho X tác dụng với $AgNO_3$ dư thu được khối lượng kết tủa là :
- A . 47,4 gam **B. 58,88 gam** C. 45,92 gam D. 12,96 gam
- Câu 26:** Hòa tan 5 gam hỗn hợp gồm : Cu và Fe trong đó Fe chiếm 40% về khối lượng trong dd HNO_3 tạo khí NO duy nhất và dd X, và còn lại 3,23 gam kim loại không tan. Khối lượng muối tạo thành trong X là :
- A . 5,46 gam **B. 7,35 gam** C. 5,6 gam D. 6,8 gam
- Câu 27:** Cho Fe dư tác dụng với 100ml dd $Cu(NO_3)_2$ 1M sau phản ứng hoàn toàn lọc bỏ kết tủa thu được dd A. Cho từ từ đến dư dd $AgNO_3$ vào A được m gam Ag. Giá trị của m là :
- A . 21,6 gam B. 2,16 gam C. 1,08 gam **D. 10,8 gam**
- Câu 28:** Đem hòa tan 5,6g Fe trong dd HNO_3 loãng, sau khi kết thúc phản ứng, thấy còn lại 1,12g chất rắn không tan. Lọc lấy dd cho vào lượng dư dd $AgNO_3$, sau khi kết thúc phản ứng xuất hiện m gam chất không tan. Giá trị m?
- A . 19,36 **B. 8,64** C. 4,48 D. 6,48
- Câu 29:** Để bảo vệ vỏ tàu biển làm bằng thép người ta thường gắn vào vỏ tàu (phần ngập dưới nước) những tấm kim loại :
- A . **Zn** B. Cu C. Sn D. Pb
- Câu 30:** Chất không khử được sắt oxit ở nhiệt độ cao là :
- A . Al **B. Cu** C. CO D. H_2
- Câu 31:** Để loại bỏ kim loại Cu ra khỏi hỗn hợp bột gồm Ag và Cu, người ta ngâm hỗn hợp kim loại trên vào lượng dư dung dịch:
- A . **$AgNO_3$** B. HNO_3 C. $Cu(NO_3)_2$ D. $Fe(NO_3)_2$
- Câu 32:** Cho khí CO dư đi qua hỗn hợp gồm CuO, Al_2O_3 , MgO (nung nóng). Khi phản ứng xảy ra hoàn toàn thu được chất rắn gồm :
- A . Cu, Al, Mg B. Cu, Al, MgO C. Cu, Al_2O_3 , Mg **D. Cu, Al_2O_3 , MgO**
- Câu 33:** Cặp chất không xảy ra phản ứng hóa học là :
- A . Cu + dd $FeCl_3$ B. Fe + dd HCl **C. Cu + dd $FeCl_2$** D. Fe + $FeCl_3$
- Câu 34:** Bao nhiêu gam Clo tác dụng vừa đủ kim loại nhôm tạo ra 26,7 gam $AlCl_3$:
- A . **21,3 gam** B. 12,3 gam C. 13,2 gam D. 23,1 gam
- Câu 35:** Đốt cháy bột Al trong bình khí Clo dư, sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn khối lượng chất rắn trong bình tăng 4,26 gam. Khối lượng Al đã phản ứng là :
- A . **1,08 gam** B. 2,16 gam C. 1,62gam D. 3,24 gam
- Câu 36:** Cho 8,9 gam hỗn hợp bột Mg và Zn tác dụng với dd H_2SO_4 loãng dư, thu được 0,2 mol khí H_2 . Khối lượng của Mg và Zn trong 8,9 gam hỗn hợp trên lần lượt là :

Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm

- A . 1,8 g và 7,1 g **B. 2,4 g và 6,5 g** C. 3,6 g và 5,3 g D. 1,2 g và 7,7 g
- Câu 37:** Cho 2,7 g hỗn hợp bột X gồm Fe và Zn tác dụng với dung dịch Y và 2,84 gam chất rắn Z. Cho toàn bộ Z vào dung dịch H₂SO₄ loãng, dư, sau khi các phản ứng kết thúc thì khối lượng chất rắn giảm 0,28 gam và dung dịch thu được chỉ chứa một muối duy nhất. Phần trăm khối lượng của Fe trong X là :
- A . 58,52% **B. 51,58%** C. 48,15% D. 41,48%
- Câu 38:** Hòa tan hoàn toàn 14,40 gam kim loại M(hóa trị II) trong dung dịch H₂SO₄ loãng, dư thu được 13,44 lít khí H₂ (đktc). Kim loại M là :
- A . Mg** B. Ca C. Be D. Ba
- Câu 39:** Hòa tan 1,3 gam một kim loại M trong 100 ml dung dịch H₂SO₄ 0,3M. Để trung hòa lượng axit dư cần 200ml dung dịch NaOH 0,1M. Xác định kim loại M:
- A . Fe B. Al C. Mg **D. Zn**
- Câu 40:** Ngâm một lá kim loại có khối lượng 50 gam trong dung dịch HCl. Sau khi kết thúc thu được 336 ml khí H₂ (đktc) thì khối lượng lá kim loại giảm 1,68%. Kim loại đó là ?
- A . Fe** B. Zn C. Ni D. Al
- Câu 41:** Khử hoàn toàn m gam Fe_xO_y cần vừa đủ 17,92 lít khí CO (đktc), thu được a gam kim loại M. Hòa tan hết a gam M bằng dd H₂SO₄ đặc, nóng(dư), thu được 20,16 lít khí SO₂ (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc) oxit M_xO_y là:
- A . Cr₂O₃ **B. Fe₃O₄** C. FeO D. CrO
- Câu 42:** Trong phản ứng nào dưới đây HCl thể hiện tính oxi hoá?
- A. HCl+ AgNO₃→ AgCl+ HNO₃ B. 2HCl + Mg→ MgCl₂+ H₂
- C. 8HCl + Fe₃O₄ →FeCl₂ +2 FeCl₃ +4H₂O** D. 4HCl + MnO₂→ MnCl₂+ Cl₂ + 2H₂O
- Câu 43.** Phát biểu nào sau đây luôn đúng:
- A. Một chất có tính oxi hoá gặp một chất có tính khử, nhất thiết xảy ra phản ứng oxi hoá - khử.
- B. Một chất hoặc chỉ có tính oxi hoá hoặc chỉ có tính khử.**
- C. Phản ứng có kim loại tham gia là phản ứng oxi hoá - khử.
- D. Phi kim luôn là chất oxi hoá trong phản ứng oxi hoá - khử.
- Câu 44:** Lưu huỳnh trong SO₂ luôn thể hiện tính khử trong các phản ứng với :
- A. H₂S, O₂, nước Br₂.** B. dung dịch NaOH, O₂, dung dịch KMnO₄.
- C. O₂, nước Br₂, dung dịch KMnO₄. D. dung dịch KOH, CaO, nước Br₂.
- Câu 45.** Trong phản ứng oxi hóa - khử H₂O có thể đóng vai trò là
- A. chất khử.** B. chất oxi hóa. C. môi trường. D. cả A, B, C.
- Câu 46.** Trong phương trình: Cu₂S + HNO₃ → Cu(NO₃)₂ + H₂SO₄ + NO + H₂O, hệ số của HNO₃ là
- A. 18.** B. 22. C. 12. D. 10.
- Câu 47 :** Có các chất khí: NO₂, Cl₂, CO₂, SO₂, SO₃, HCl. Những chất khí khi tác dụng với dung dịch NaOH xảy ra phản ứng oxi hoá- khử là:
- A. NO₂ và Cl₂** B. NO₂, Cl₂, CO₂, SO₂ C. CO₂, SO₂, SO₃ D. CO₂, SO₂, SO₃, HCl
- Câu 48:** Cho phương trình phản ứng :
- FeSO₄ + KMnO₄ + H₂SO₄ →Fe₂(SO₄)₃ + K₂SO₄ + MnSO₄ + H₂O
- Hệ số cân bằng tối giản của FeSO₄ là :
- A. 10** B. 8 C. 6 D. 2
- Câu 49:** Trong phản ứng :
- FeSO₄ + KMnO₄ + H₂SO₄ → Fe₂(SO₄)₃ + K₂SO₄ + MnSO₄ + H₂O
- Thì H₂SO₄ đóng vai trò :
- A. Môi trường.** B. chất khử
- C. Chất oxi hóa D. Vừa là chất oxi hóa, vừa là môi trường.
- Câu 50:** Tổng hệ số của các chất trong phản ứng:

Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm



- A. 55 B. 20 C. 25 D. 50

Câu 51: Khi tham gia vào các phản ứng hoá học, nguyên tử kim loại

- A. bị khử B. bị oxi hoá C. cho proton D. nhận proton

Câu 52: Cho sơ đồ phản ứng: $\text{FeS}_2 + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{H}_2\text{SO}_4 + 5\text{NO} + \text{H}_2\text{O}$

Sau khi cân bằng, tổng hệ số cân bằng của phản ứng là

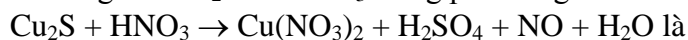
- A. 21. B. 19. C. 23. D. 25.

Câu 53: Cho sơ đồ phản ứng: $\text{Fe}_3\text{O}_4 + \text{HNO}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{NO}_3)_3 + \text{NO} + \text{H}_2\text{O}$

Sau khi cân bằng, hệ số của phân tử các chất là phương án nào sau đây?

- A. 3, 14, 9, 1, 7. B. 3, 28, 9, 1, 14. C. 3, 26, 9, 2, 13. D. 2, 28, 6, 1, 14.

Câu 54: Hệ số cân bằng của Cu_2S và HNO_3 trong phản ứng:



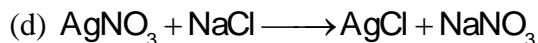
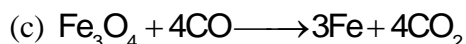
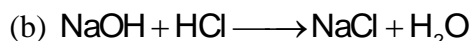
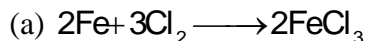
- A. 3 và 22. B. 3 và 18. C. 3 và 10. D. 3 và 12.

Câu 55: Cho phản ứng: $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{KMnO}_4 + \text{NaHSO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{MnSO}_4 + \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$.

Tổng hệ số các chất (là những số nguyên, tối giản) trong phương trình phản ứng là:

- A. 27 B. 47 C. 31 D. 23.

Câu 56: Cho các phương trình phản ứng



Trong các phản ứng trên, số phản ứng oxi hóa - khử là

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 4

Câu 57: Hoà tan hoàn toàn 32 gam kim loại M trong dung dịch HNO_3 dư thu được 8,96 lít

(đktc) hỗn hợp khí gồm NO_2 và NO , có tỉ khối so H_2 bằng 17. Kim loại M là:

- A. Cu B. Zn C. Fe D. Ca

Câu 58: Cho 8,3 gam hỗn hợp hai kim loại Al và Fe tác dụng với dung dịch H_2SO_4 đặc dư thu được 6,72 lit khí SO_2 (đktc). Khối lượng của mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu:

- A. 2,7g; 5,6g B. 5,4g; 4,8g C. 9,8g; 3,6g D. 1,35g; 2,4g

Câu 59: Để a gam bột sắt ngoài không khí, sau một thời gian sẽ chuyển thành hỗn hợp A có khối lượng 75,2 gam gồm Fe, FeO, Fe_2O_3 , Fe_3O_4 . Cho hỗn hợp A phản ứng hết với dung dịch H_2SO_4 đậm đặc, nóng thu được 6,72 lit khí SO_2 (đktc). Khối lượng a gam là:

- A. 56g B. 11,2g C. 22,4g D. 25,3g

Câu 60: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. CO_2 , B. Na_2O . C. SO_2 , D. P_2O_5

Câu 61: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch axit là:

- A. CaO, B. BaO, C. Na_2O D. SO_3 .

Câu 62: Sắt (III) oxit (Fe_2O_3) tác dụng được với:

- A. Nước, sản phẩm là axit. B. Axit, sản phẩm là muối và nước.
C. Nước, sản phẩm là bazơ. D. Bazơ, sản phẩm là muối và nước.

Câu 63: Thể tích khí hiđro (đktc) cần dùng để khử hoàn toàn hỗn hợp gồm 20 g CuO và 111,5g PbO là:

- A. 11,2 lít. B. 16,8 lít. C. 5,6 lít. D. 8,4 lít.

Câu 64: Cho 7,2 gam một loại oxit sắt tác dụng hoàn toàn với khí hiđro cho 5,6 gam sắt. Công thức oxit sắt là:

Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm

A. FeO. B. Fe₂O₃. C. Fe₃O₄. D. FeO₂.

Câu 65:

Hoà tan 2,4 g một oxit kim loại hoá trị II cần dùng 30g dd HCl 7,3%. Công thức của oxit kim loại là:

A. CaO. B. CuO. C. FeO. D. ZnO.

Câu 66:

Hoà tan 6,2 g natri oxit vào 193,8 g nước thì được dung dịch A. Nồng độ phần trăm của dung dịch A là:

A. 4%. B. 6%. C. 4,5% D. 10%

Câu 67: Hoà tan 23,5 g kali oxit vào nước được 0,5 lít dung dịch A. Nồng độ mol của dung dịch A là:

A. 0,25M. B. 0,5M C. 1M. D. 2M.

Câu 68:

Hoà tan hết 12,4 gam Natrioxit vào nước thu được 500ml dung dịch A . Nồng độ mol của dung dịch A là :

A. 0,8M B. 0,6M C. 0,4M D. 0,2M

Câu 69 :

Hoà tan hết 5,6 gam CaO vào dung dịch HCl 14,6% . Khối lượng dung dịch HCl đã dùng là :

A. 50 gam B. 40 gam C. 60 gam D. 73 gam

Câu 70 :

Oxit của một nguyên tố hóa trị (II) chứa 28,57% oxi về khối lượng . Nguyên tố đó là:

A. Ca B. Mg C. Fe D. Cu

Câu 71 :

Hoà tan 2,4 gam oxit của một kim loại hóa trị II vào 21,9 gam dung dịch HCl 10% thì vừa đủ . Oxit đó là:

A. CuO B. CaO C. MgO D. FeO

Câu 72:

Cho 20 gam hỗn hợp X gồm CuO và Fe₂O₃ tác dụng vừa đủ với 0,2 lít dung dịch HCl có nồng độ 3,5M. Thành phần phần trăm theo khối lượng của CuO và Fe₂O₃ trong hỗn hợp X lần lượt là :

A. 25% và 75% B. 20% và 80%
C. 22% và 78% D. 30% và 70%

Câu 73:

Cho 10,5 gam hỗn hợp hai kim loại Zn, Cu vào dung dịch H₂SO₄ loãng dư, người ta thu được 2,24 lít khí (đktc). Thành phần phần trăm theo khối lượng mỗi kim loại trong hỗn hợp ban đầu là:

A. 61,9% và 38,1% B. 63% và 37% C. 61,5% và 38,5% D. 65% và 35%

Câu 74: Hoà tan hoàn toàn 12,1 gam hỗn hợp bột CuO và ZnO cần 100 ml dung dịch HCl 3M. Thành phần phần trăm theo khối lượng hai oxit trên lần lượt là:

A. 33,06% và 66,94% B. 66,94% và 33,06%
C. 33,47% và 66,53% D. 66,53% và 33,47%

Câu 75: Trong sơ đồ phản ứng sau: $M \xrightarrow{+HCl} N \xrightarrow{+NaOH} Cu(OH)_2$. M là:

A. Cu . B. Cu(NO₃)₂. C. CuO. D. CuSO₄.

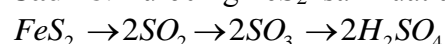
Câu 76: Thuốc thử để nhận biết ba lọ mất nhãn chứa riêng biệt 3 dung dịch: H₂SO₄, BaCl₂, NaCl là:

A. Phenolphthalein. B. Dung dịch NaOH.
C. Dung dịch Na₂CO₃. D. Dung dịch Na₂SO₄.

Câu 77: Cho 8 g hỗn hợp Fe và Mg tác dụng hoàn toàn với dung dịch HCl dư sinh ra 4,48 lít khí H₂ (đktc). Thành phần phần trăm về khối lượng của Fe và Mg lần lượt là:

A. 70% và 30% B. 60% và 40%.
C. 50% và 50%. D. 80% và 20%.

Câu 78: Từ 60 kg FeS₂ sản xuất được bao nhiêu kg H₂SO₄ theo sơ đồ sau:



Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm

Câu 105: Cho hoà tan hoàn toàn a gam Fe_3O_4 trong dung dịch HCl, thu được dung dịch D, cho D tác dụng với dung dịch NaOH dư, lọc kết tủa để ngoài không khí đến khối lượng không đổi nữa, thấy khối lượng kết tủa tăng lên 3,4 gam. Đem nung kết tủa đến khối lượng không đổi được b gam chất rắn. Giá trị của a, b lần lượt là:

- A. 76,2 g và 64,4 g B. 48,4 g và 46 g C. 64,4 g và 76,2 g **D. 46,4 g và 48 g**

Câu 106: Đốt cháy hoàn toàn 11,2 lít hỗn hợp khí gồm CH_4 và H_2 (đktc) thu được 16,2 gam nước. Thành phần phần trăm theo thể tích của khí CH_4 và H_2 trong hỗn hợp lần lượt là:

- A. 60% và 40%. **B. 80% và 20%.** C. 50% và 50%. D. 30% và 70%.

Câu 107: Hoà tan hoàn toàn 2,17 gam hỗn hợp 3 kim loại X, Y, Z trong dung dịch HCl dư, thu được 2,24 lít khí H_2 (đktc) và m gam muối. Giá trị của m là:

- A. 9,27.** B. 5,72. C. 6,85. D. 6,48

Câu 108: Khi cho sắt tác dụng với dung dịch AgNO_3 dư thì thu được muối sắt là:

- A. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ và AgNO_3 . B. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$.
C. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_3$ và $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$. **D. $\text{Fe}(\text{NO}_3)_2$.**

Câu 109: Đốt cháy hoàn toàn m gam chất hữu cơ X thu được 2,75m gam CO_2 và 2,25m gam H_2O . Lựa chọn công thức phân tử đúng của X:

- A. C_2H_6 **B. CH_4** C. C_2H_2 D. C_2H_6 .

Câu 110: Nhúng thanh Fe vào dung dịch CuSO_4 , sau một thời gian, lấy thanh kim loại ra làm khô, cân lại thấy tăng a gam. a là:

- A. khối lượng kim loại Cu bám vào.
B. khối lượng CuSO_4 bám vào.
C. khối lượng gốc sunfat bám vào.
D. hiệu số giữa khối lượng kim loại Cu bám vào và khối lượng Fe tan ra.

Câu 111: Dãy gồm các chất đều phản ứng với dung dịch NaOH là:

- A. H_2SO_4 , CaCO_3 , CuSO_4 , CO_2 B. SO_2 , FeCl_3 , NaHCO_3 , CuO
C. H_2SO_4 , SO_2 , CO_2 , FeCl_3 , Al D. CuSO_4 , CuO , FeCl_3 , SO_2

Câu 112: Khi nhúng một thanh đồng vào dung dịch $\text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3$ thì:

- A. thấy thanh đồng tan ra và dung dịch có màu xanh.**
B. không thấy có hiện tượng gì.
C. thấy thanh đồng tan ra, dung dịch có màu xanh và có sắt tạo thành.
D. thấy thanh đồng tan ra và có sắt tạo thành.

Câu 113: Cho hai thanh kim loại M hoá trị 2 với khối lượng bằng nhau. Nhúng thanh 1 vào dung dịch CuSO_4 và thanh 2 vào dung dịch $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$ một thời gian, thấy khối lượng thanh 1 giảm và khối lượng thanh 2 tăng. Kim loại M là:

- A. Ni. B. Fe. C. Mg. **D. Zn.**

Câu 114: Cho phản ứng: $\text{Na}_2\text{SO}_3 + \text{KMnO}_4 + \text{NaHSO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + \text{MnSO}_4 + \text{K}_2\text{SO}_4 + \text{H}_2\text{O}$

Tổng hệ số của các chất (là những số nguyên, tối giản) trong phương trình phản ứng là:

- A. 23 B. 47 C. 31 **D. 27**

Câu 115: Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol C_xH_4 rồi hấp thu hoàn toàn sản phẩm tạo ra vào 200ml dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 1M thì thu được 19,7 gam kết tủa. Công thức của hiđrocacbon là:

- A. CH_4 hoặc C_2H_4 B. C_3H_4 **C. CH_4 hoặc C_3H_4** D. C_2H_4

Câu 116: Khi phân tích một hiđrocacbon (X) chứa 81,82% cacbon. Công thức phân tử của (X) là:

- A. C_3H_6 . **B. C_3H_8 .** C. C_2H_4 . D. C_4H_{10} .

Câu 117: Giấy quỳ tím chuyển màu đỏ khi nhúng vào dung dịch được tạo thành từ:

- A. 1 mol H_2SO_4 và 1,7 mol NaOH** B. 1 mol HCl và 1 mol KOH

Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm

1B	21B	41B	61D	81C	101C	121C	141D
2C	21A	42C	62B	82A	102C	122B	142C
3C	22B	43B	63B	83D	103A	123D	143B
4C	23D	44A	64A	84A	104A	124C	144B
5D	24A	45A	65B	85B	105D	125D	145B
6A	25B	46A	66A	86A	106B	126B	146B
7D	26B	47A	67C	87D	107A	127B,D	147B
8B	27D	48A	68A	88D	108D	128A	148C
9D	28B	49A	69A	89B	109B	129D	149D
10C	29A	50A	70A	90B	110D	130D	150C
11B	30B	51B	71A	91A	111C	131D	151D
12B	31A	52B	72B	92A	112A	132D	152C
13A	32D	53C	73A	93B	113D	133D	153C
14C	33C	54C	74A	94A	114D	134D	154D
15D	34A	55B	75C	95A	115C	135C	155B
16A	35A	56A	76C	96C	116B	136C	156D
17A	36B	57A	77A	97A	117A	137D	157A
18A	37B	58A	78A	98D	118A	138A	158D
19A	38A	59A	79A	99A	119C	139C	159C
20B	39D	60B	80A	100C	120D	140C	160A
	40A						

Chúc các em hoàn thành tốt nội dung trắc nghiệm